

Phát triển bền vững thị trường mua bán nợ doanh nghiệp tại Việt Nam: Góc nhìn từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam

Đỗ Hồng Nhung^{1*}, Trần Thị Diệu Hương²

¹Trường Đại học Kinh tế quốc dân

²Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài 26/3/2020; ngày chuyển phản biện 30/3/2020; ngày nhận phản biện 24/4/2020; ngày chấp nhận đăng 29/4/2020

Tóm tắt:

Cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thì nợ cũng đang là một mối quan tâm lớn của các doanh nghiệp Việt Nam. Nợ có thể giúp các doanh nghiệp kinh doanh tốt hơn, tuy nhiên nó cũng có thể khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về dòng tiền và khả năng thanh khoản. Trong khi đó, thị trường mua bán nợ ở Việt Nam còn sơ khai, chưa phát triển. Bài viết phân tích thực trạng nợ của các doanh nghiệp và thị trường mua bán nợ doanh nghiệp ở Việt Nam trên góc nhìn từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (Bộ Tài chính) để có một cái nhìn tổng quan nhằm phát triển thị trường mua bán nợ doanh nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: mua bán nợ, nợ doanh nghiệp, thị trường mua bán nợ.

Chỉ số phân loại: 5.2

Thực trạng nợ của các doanh nghiệp ở Việt Nam

Quan điểm về nợ doanh nghiệp, nợ xấu và hoạt động mua bán nợ ở Việt Nam

Theo Hoàng Trần Hậu và Vũ Sỹ Cường (2015) [1], trước hết nợ doanh nghiệp cũng là một khoản nợ, tức là một cam kết chưa được thanh toán. Doanh nghiệp phát sinh nợ phải trả khi (i) không trả cho một dịch vụ, hàng hóa hay tài sản đã được thỏa thuận trước; (ii) không trả các khoản bắt buộc theo luật định đầy đủ và kịp thời; (iii) đi vay tiền mặt của người cho vay hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và (iv) cam kết với ngân hàng sự bảo lãnh về khoản vay của người khác, khi người đi vay không trả tiền, ngân hàng sẽ truy đòi doanh nghiệp bảo lãnh.

Nợ doanh nghiệp có đặc trưng đầy đủ của một khoản nợ nên phải đi kèm với nguyên tắc hoàn trả, đảm bảo khả năng thanh toán cả gốc và cả phần giá trị tăng thêm biểu hiện qua tiền lãi. Khi nguyên tắc này không được đáp ứng ở mức độ nhất định thì khoản nợ đó bị coi là “nợ xấu”. Tổng kết quan điểm về “nợ xấu” của một số tổ chức như Ngân hàng thế giới, nhóm chuyên gia tư vấn Advisory Expert Group (AEG), Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) cũng như Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS), Nguyễn Thu Hương (2016) [2], đưa ra kết luận: “Nợ xấu là những khoản nợ quá hạn trả nợ trên 90 ngày và/hoặc được đánh giá là khó có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi”.

Khi nợ đã được coi là một loại hàng hóa, thì cùng với đó là hoạt động mua bán nợ. Theo Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định hoạt động được coi là mua bán nợ khi “bên bán nợ chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ và các quyền khác liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ và bên mua nợ trả tiền cho bên bán nợ”. Như vậy có thể đưa ra kết luận về hoạt động mua bán nợ nói chung hay cụ thể là đối với các khoản “Nợ xấu”, thực chất là việc bên bán nợ (chủ nợ ban đầu) chuyển “khoản nợ phải thu” của mình đối với bên khách nợ sang cho bên mua nợ và bên mua nợ sẽ trở thành chủ nợ mới của bên khách nợ.

Đặc điểm nợ của các doanh nghiệp tại Việt Nam

Nợ được các doanh nghiệp sử dụng nhiều, đơn giản và tiềm ẩn nhiều rủi ro: hiện nay, ở Việt Nam với sự cạnh tranh gay gắt của thị trường thì hình thức mua bán chịu hàng hóa diễn ra ngày càng thường xuyên hơn. Theo thống kê với bộ dữ liệu của tác giả thì các khoản phải thu khách hàng chiếm 18,68% tổng tài sản và khoản phải trả người bán chiếm 11,60% tổng tài sản. Tín dụng thương mại gần như thành quy luật chung của thị trường, người bán nhiều khi phải chấp nhận cho người mua thanh toán tiền hàng trả chậm như một hình thức khuyến mãi, cạnh tranh, thu hút người mua hàng. Do đó, các điều kiện mua hàng trả chậm tương đối đơn giản, dễ dàng và ít các điều khoản ràng buộc. Nó chủ yếu dựa trên mối quan hệ quen biết, bạn hàng, tin tưởng lẫn nhau, bởi vì người Việt thường hay cả nể, giúp đỡ nhau trong nhiều mối quan hệ. Tuy nhiên, đó chính là lý do làm

*Tác giả liên hệ: Email: nhungdh@gmail.com

Sustainable development of the business debt trading market in Vietnam: A view of Vietnam Debt and Asset Trading Corporation

Hong Nhung Do^{1*}, Thi Dieu Huong Tran²

¹National Economics University

²Quy Nhon Univesity

Received 26 March 2020; accepted 29 April 2020

Abstract:

Along with production and business activities, debt is also a major concern of Vietnamese businesses. Debt can help businesses do business better, but it can also make businesses face difficulties in cash flow and liquidity. Meanwhile, the debt trading market in Vietnam is still primitive and underdeveloped. The article analyses the debt situation of businesses and the debt trading market in Vietnam from the perspective of business activities of Vietnam Debt and Asset Trading Coporation to gain an overview of the debt trading market and business debt trading activities to develop the business debt trading market in Vietnam.

Keywords: business debt, debt trading, debt trading market.

Classification number: 5.2

cho nợ phát sinh nhiều rủi ro cho người bán, vì sẽ xảy ra những tình trạng quyt nợ, nợ kéo dài giữa các doanh nghiệp.

Chưa có những quy định cụ thể cho nợ: tại Việt Nam, hình thức mua bán chịu hàng hóa đang dần trở nên quen thuộc với các doanh nghiệp. Nhưng trong số đó, có nhiều giao dịch chỉ được lập một văn bản thỏa thuận đơn giản về số tiền và thời gian thanh toán chậm. Do đó, chúng ít có giá trị pháp lý và khó giải quyết khi phát sinh tranh chấp hay khởi kiện. Bên cạnh đó, cũng có nhiều giao dịch được lập một hợp đồng bài bản với cơ sở pháp lý là giấy chứng nhận nợ hay còn gọi là thương phiếu. Liên quan đến thương phiếu, Việt Nam có hai văn bản pháp luật là “Pháp lệnh 17/1999/PL-UBTVQH10 về thương phiếu” và “Nghị định 32/2001/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh Thương phiếu”. Tuy nhiên, các quy định pháp luật về thương phiếu có một số bất cập, nhiều quy định không phù hợp với thực tế và chưa xuất phát từ lợi ích của doanh nghiệp.

Nợ của các doanh nghiệp Việt Nam từ kết quả điều tra khảo sát

Dữ liệu khảo sát: mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Sau khi thu thập dữ liệu, tác giả loại ra những công ty có đặc thù không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Cuối cùng, nhóm tác giả thu được bảng dữ liệu là báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 326 công ty cổ phần phi tài chính niêm yết trên sở giao dịch HNX và HOSE được cung cấp bởi Tổng cục Thống kê trong thời gian 2013-2017 với khoảng 1.630 quan sát. Nợ của doanh nghiệp trên cơ sở khảo sát hoạt động tín dụng thương mại của doanh nghiệp gồm khoản phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp và nợ ròng.

Khoản phải thu khách hàng: tỷ lệ khoản phải thu khách hàng được xác định là tỷ lệ khoản phải thu khách hàng trên tổng tài sản của doanh nghiệp. Qua bảng 1 cho thấy, tỷ lệ khoản phải thu khách hàng trên tổng tài sản của các doanh nghiệp Việt Nam đang chiếm một tỷ lệ không nhỏ (18,68%). Tuy nhiên, nếu so với nghiên cứu của García-Teruel và Martínez-Solano (2010) [3] thì tỷ lệ khoản phải thu trên tổng tài sản của Việt Nam còn thấp so các nước khác, ví dụ như tỷ lệ này ở Tây Ban Nha là 39,28%, ở Hy Lạp là 36,55%, ở Pháp là 35,55%... và thấp nhất là Phần Lan với tỷ lệ là 19,18%. Trong đó, ngành công nghệ là ngành có giá trị trung bình tỷ lệ khoản phải thu lớn nhất, chiếm 31,29% tổng tài sản. Điều này cho thấy, trong nền kinh tế hiện đại, công nghệ là một ngành đặc thù có tốc độ tăng trưởng cao, mức độ cạnh tranh trong ngành lớn, do đó buộc các doanh nghiệp phải mở rộng chính sách nợ nhằm thu hút khách hàng và mở rộng thị trường. Trong khi đó, hai ngành sử dụng chính sách nợ ít nhất là ngành các dịch vụ hạ tầng và ngành dịch vụ tiêu dùng với tỷ lệ khoản phải thu trên tài sản tương ứng là 11,55% và 12,86%.

Bảng 1. Tỷ lệ khoản phải thu khách hàng của các doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Toàn ngành	Các dịch vụ hạ tầng	Công nghệ	Công nghiệp	Dịch vụ tiêu dùng	Hàng tiêu dùng	Vật liệu cơ bản	Y tế
Trung bình (%)	0,1868	0,1155	0,3129	0,2293	0,1286	0,1418	0,1656	0,2391
Giá trị nhỏ nhất (%)	0,0000	0,0000	0,0583	0,0038	0,0062	0,0007	0,0019	0,0851
Giá trị lớn nhất (%)	0,9604	0,4603	0,6485	0,9604	0,4797	0,5743	0,6513	0,6847
Số quan sát (doanh nghiệp)	1.630	135	95	565	195	280	290	70

Nguồn: tổng hợp số liệu khảo sát của nhóm tác giả.

Khoản phải trả người bán: khoản phải trả người bán được xác định là tỷ lệ khoản phải trả người bán trên tổng tài sản (hay tổng nguồn vốn) của doanh nghiệp. Trung bình khoản phải trả người bán toàn ngành chiếm 11,60% trên tổng nguồn vốn. Trong đó, ngành công nghệ là ngành có mức chiếm dụng vốn của nhà cung cấp lớn nhất, với tỷ lệ trung bình là 14,44% tổng nguồn vốn. Cá biệt, trong ngành này có doanh nghiệp với tỷ lệ chiếm dụng vốn của nhà cung cấp lên tới 69,45% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (bảng 2). Đây cũng chính là ngành cấp nợ cho khách hàng nhiều nhất trong toàn ngành. Tuy nhiên, tỷ lệ chiếm dụng vốn của người bán ở các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với các nước khác trên thế giới. Ví dụ như tỷ lệ này ở Pháp là 28,52%, Bỉ là 27,00%, Hy Lạp là 26,70%... trong đó, ít nhất là ở Phần Lan nhưng vẫn còn lớn hơn ở Việt Nam với tỷ lệ 13,17% [3]. Mặc dù vậy, vẫn có những ngành như ngành y tế và ngành hàng tiêu dùng sử dụng rất ít nguồn vốn này với tỷ lệ lần lượt là 9,39% và 9,62% tổng nguồn vốn.

Bảng 2. Tỷ lệ khoản phải trả người bán của các doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Toàn ngành	Các dịch vụ hạ tầng	Công nghệ	Công nghiệp	Dịch vụ tiêu dùng	Hàng tiêu dùng	Vật liệu cơ bản	Y tế
Trung bình (%)	0,1160	0,1234	0,1444	0,1211	0,1164	0,0962	0,1173	0,0939
Giá trị nhỏ nhất (%)	0,0000	0,0013	0,0017	0,0000	0,0077	0,0001	0,0015	0,0189
Giá trị lớn nhất (%)	0,6945	0,5967	0,6945	0,5273	0,4034	0,6437	0,4746	0,2725
Số quan sát (doanh nghiệp)	1.630	135	95	565	195	280	290	70

Nguồn: tổng hợp số liệu khảo sát của nhóm tác giả.

Nợ ròng: nợ ròng được xác định là chênh lệch giữa khoản phải thu và khoản phải trả trên tổng tài sản. Như vậy, nếu nợ ròng dương chứng tỏ doanh nghiệp đang bị khách hàng chiếm dụng vốn và nếu nợ ròng âm chứng tỏ doanh nghiệp đang chiếm dụng vốn của nhà cung cấp. Nhìn chung ở Việt Nam, nợ ròng trong toàn ngành cũng như trong từng ngành đều dương, chứng tỏ hầu hết các doanh nghiệp đều cấp nợ cho khách hàng nhiều hơn là chiếm dụng vốn của người bán. Qua bảng 3 ta thấy, nợ ròng trung bình toàn ngành là 7,08% tổng tài sản, điều này có nghĩa là trong toàn ngành

thì trung bình các doanh nghiệp đang cho khách hàng chiếm dụng vốn nhiều hơn là đi chiếm dụng vốn của nhà cung cấp là 7,08%. Riêng nhóm ngành các dịch vụ hạ tầng thì nợ ròng mang giá trị âm, tức là trung bình các doanh nghiệp trong ngành này chiếm dụng vốn của người bán nhiều hơn là cấp nợ cho khách hàng là 0,8% tổng tài sản. Nhưng với giá trị nhỏ như vậy thì có thể thấy nhóm ngành các dịch vụ hạ tầng có tình hình công nợ phải thu và phải trả tương đối cân bằng nhất so với các nhóm ngành còn lại.

Bảng 3. Tỷ lệ nợ ròng của các doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Toàn ngành	Các dịch vụ hạ tầng	Công nghệ	Công nghiệp	Dịch vụ tiêu dùng	Hàng tiêu dùng	Vật liệu cơ bản	Y tế
Trung bình	0,0708	-0,0080	0,1685	0,1082	0,0122	0,0456	0,0483	0,1453
Giá trị nhỏ nhất	-0,3472	-0,2577	-0,2125	-0,2596	-0,3472	-0,3292	-0,2782	-0,0648
Giá trị lớn nhất	0,7221	0,2111	0,5096	0,7221	0,2776	0,4316	0,4343	0,5831
Số quan sát	1.630	135	95	565	195	280	290	70

Nguồn: tổng hợp số liệu khảo sát của nhóm tác giả.

Đánh giá mức độ ảnh hưởng nợ của các doanh nghiệp

Vai trò của nợ đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Tăng nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Nhờ có nợ, các doanh nghiệp có thể tận dụng được nguồn vốn nhàn rỗi để duy trì hoạt động SXKD với thủ tục đơn giản và chi phí có thể thấp hơn so với đi vay ngân hàng, tùy thuộc vào mối quan hệ tín nhiệm giữa người bán và người mua. Như vậy, nợ giúp gia tăng nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

- Tiết kiệm chi phí sử dụng vốn và chi phí lưu thông tiền tệ. Thay vì phải đi vay ngân hàng với thủ tục phức tạp, thời gian giải ngân lâu, lãi suất cao và có thể phát sinh những chi phí trung gian liên quan đến việc vay vốn, thì doanh nghiệp có thể mua nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ cho hoạt động SXKD với chi phí trả sau và mức chiết khấu theo thỏa thuận của hai bên mua bán. Như vậy, việc sử dụng nợ không chỉ có lợi cho doanh nghiệp sản xuất mà còn có lợi cho nền kinh tế vĩ mô, vì Ngân hàng nhà nước (NHNN) không phải cung ứng thêm tiền ra lưu thông, giúp cho các nhà hoạch định chính sách của NHNN thực hiện chính sách tiền tệ dễ dàng hơn.

- Đẩy nhanh tốc độ chu chuyển hàng hóa. Trong nền kinh tế thị trường, hiện tượng doanh nghiệp này thừa vốn nhưng doanh nghiệp khác lại thiếu vốn thường xuyên diễn ra. Nhờ có nợ nên làm cho hoạt động SXKD được liên tục, không gián đoạn ngắt quãng khi doanh nghiệp bị thiếu tiền tạm thời, đồng thời nó giúp cho các doanh nghiệp khác tiêu thụ được hàng hóa. Điều này giúp nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.

- Khuyến khích SXKD. Theo mẫu nghiên cứu thì các doanh nghiệp Việt Nam trung bình đang chiếm dụng vốn của nhà cung cấp khoảng 11,60% tổng vốn kinh doanh. Với số vốn này, nó có thể tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp SXKD và tạo ra nhiều cơ hội kiếm lời. Hơn nữa, các doanh nghiệp này còn có khả năng được hưởng một khoản lợi từ chiết khấu nếu thanh toán sớm theo thời gian quy định. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cung ứng nợ cũng bán được hàng để tiếp tục chu kỳ SXKD mới, giảm chi phí bảo quản lưu kho và tạo động lực SXKD.

Ảnh hưởng của nợ:

- Ảnh hưởng đối với doanh nghiệp có nợ tồn đọng. Áp lực của một doanh nghiệp có nợ tồn đọng là vô cùng to lớn do các khoản nợ sẽ tạo ra những chi phí không mong đợi, sẽ ăn mòn dần vốn của doanh nghiệp và có khả năng dẫn đến nguy cơ phá sản.

- Ảnh hưởng đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD). Nếu doanh nghiệp bị đối tác nợ nhiều thì sẽ có khả năng gia tăng nợ đối với các TCTD. Một tác động lớn đối với TCTD khi có nợ là làm giảm hiệu quả tín dụng và làm tăng chi phí cho TCTD. Nợ tăng cao có thể dẫn đến tình trạng thua lỗ và giảm lòng tin của người gửi tiền, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của TCTD.

- Ảnh hưởng đối với nền kinh tế. Mối quan hệ giữa ngân hàng - khách hàng - nền kinh tế là hết sức chặt chẽ. Nợ phát sinh do khách hàng, doanh nghiệp SXKD kém hiệu quả sẽ tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế do vốn ứ đọng, SXKD đình trệ. Sự phá sản của doanh nghiệp, đặc biệt là hệ thống ngân hàng sẽ tạo ra một cú sốc lớn đối với cả nền kinh tế. Thất nghiệp, bất ổn về an ninh, mất nguồn thu từ thuế hay thiếu sản phẩm đều là các yếu tố làm giảm GDP, giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế so với các nước khác.

Thực trạng thị trường mua bán nợ của các doanh nghiệp Việt Nam

Để tìm hiểu thực trạng thị trường mua bán nợ của các doanh nghiệp Việt Nam, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn sâu theo hình thức bán cấu trúc các chuyên gia trong lĩnh vực mua bán nợ gồm có Lãnh đạo của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thuộc Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) thuộc NHNN.

Thực trạng cơ sở pháp lý và cơ sở hạ tầng

Thị trường mua bán nợ tại Việt Nam chỉ mới bao gồm thị trường mua bán các loại trái phiếu sau khi đã phát hành và thị trường mua bán các khoản nợ khác giữa các cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế. Hiện nay chưa có các văn bản

pháp luật quy định về hoạt động mua bán các sản phẩm phức tạp hơn của thị trường mua bán nợ như các công cụ phái sinh tín dụng và chứng khoán hoá. Trên thực tế, các loại hàng hoá này cũng chưa xuất hiện trên thị trường mua bán nợ tại Việt Nam.

Theo VAMC, khung pháp lý cao nhất hiện nay chỉ có Nghị định 69/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ nhưng rất sơ sài, sơ khai, chứ không phải khung pháp lý hoàn chỉnh. Đồng quan điểm trên, DATC cũng cho rằng tất cả khung pháp lý, cơ sở hạ tầng đều ở giai đoạn mới phát triển, thí điểm. Nếu sau này muốn thị trường mua bán nợ phát triển hơn nữa thì phải có luật, nghị định điều chỉnh. Ngoài ra, Việt Nam cũng chưa xây dựng được khung pháp lý đủ mạnh có tính răn đe trong việc yêu cầu các doanh nghiệp minh bạch trong cung cấp thông tin và cũng chưa có khung pháp lý trong việc bảo vệ nhà đầu tư.

Thực trạng cấu trúc thị trường mua bán nợ

Chủ thể tham gia thị trường mua bán nợ ở Việt Nam:

Bên bán	Trung gian	Bên mua
- TCTD - Doanh nghiệp	- Trung gian tạo lập thị trường - Đơn vị tư vấn - Đơn vị xếp hạng tín nhiệm	- DATC - VAMC - Các AMC thuộc các NHTM

Ghi chú: AMC: Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc ngân hàng thương mại (NHTM).

Hàng hóa trên thị trường mua bán nợ: bao gồm trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp.

Hình thức mua bán nợ: bao gồm mua bán nợ thông qua đấu giá, mua bán nợ bằng cách thương lượng, đàm phán, mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt, mua bán nợ theo giá trị thị trường, mua bán nợ theo chỉ định của cấp có thẩm quyền và mua bán nợ thông qua hoạt động mua bán sáp nhập (M&A).

Thực trạng các tổ chức hỗ trợ

Bên môi giới, tư vấn và cung cấp dịch vụ sàn giao dịch nợ: theo Nghị định 69/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, ngoài bên mua nợ và bên bán nợ, hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ còn có các bên liên quan sau: bên môi giới, bên tư vấn mua bán nợ và bên cung cấp dịch vụ sàn giao dịch nợ. Trên thực tế, thị trường chưa có sự tham gia của các bên môi giới, tư vấn mua bán nợ chuyên nghiệp và cũng chưa có dịch vụ sàn giao dịch nợ.

Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và thẩm định giá: Chính phủ đã có Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm. Hơn nữa, theo

Quyết định 517/QĐ-TTg ngày 17/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến 2020 và tầm nhìn đến 2030, việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp sẽ phải qua xếp hạng tín nhiệm kể từ năm 2020. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 31/8/2005 về thẩm định giá và Bộ Tài chính đã ban hành bộ 12 tiêu chuẩn thẩm định giá. Tuy nhiên, theo thống kê của ADB (2016) [4], hiện Việt Nam chưa có các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và định giá có uy tín. Điều này gây khó khăn trong việc định giá các khoản nợ và nợ xấu trong quá trình mua bán nợ, cũng như làm hạn chế sự phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp do chưa có các “điểm chuẩn” (benchmark) nhất định để nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu xác định mức giá trái phiếu phù hợp. Hơn nữa, VAMC nhận định các tổ chức độc lập như xếp hạng tín nhiệm và thẩm định giá là cực kỳ quan trọng cho việc phát triển thị trường mua bán nợ nhưng ở Việt Nam thì chưa phát triển. Từ đó VAMC cũng chỉ ra có một khoảng trống đó là chưa có khung pháp lý cho việc định giá các khoản nợ.

Thực trạng các tổ chức quản lý, giám sát thị trường mua bán nợ của các TCTD ở Việt Nam

Trách nhiệm của Bộ Tài chính: chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ; thực hiện quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: thực hiện kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh, thành phố và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ; báo cáo Bộ Tài chính về tình hình kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh, thành phố theo định kỳ, đột xuất.

Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh: tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ; báo cáo UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình cấp, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo định kỳ, đột xuất.

Trách nhiệm của NHNN Việt Nam: NHNN Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo quy định của Nghị định 69/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ đối với công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại.

Đánh giá chung về thị trường mua bán nợ doanh nghiệp ở Việt Nam và khuyến nghị

Hiện nay, nợ đang là vấn đề nan giải của các doanh nghiệp. Bởi vì để tăng cường cạnh tranh, các doanh nghiệp đang cho khách hàng vay nợ ngày càng nhiều thông qua chính sách tín dụng thương mại, nhưng nó lại tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tuy nhiên, khi nợ được coi là một loại hàng hóa và hoạt động mua bán nợ đã được đề cập tới trong các văn bản luật chính thức thì khái niệm “thị trường mua bán nợ” hoặc “thị trường mua bán nợ xấu” vẫn chưa được các văn bản luật của Việt Nam đề cập tới. Ở Việt Nam hiện nay, thị trường nợ của doanh nghiệp vẫn chủ yếu là thị trường sơ cấp, tức là các khoản nợ đi từ chủ nợ ban đầu tới tay các công ty mua nợ, đặc biệt là DATC mà chưa có nhiều sự mua đi bán lại tại thị trường thứ cấp do sự hạn chế về đối tượng tham gia, sự phát triển của thị trường và các tổ chức định giá uy tín.

VAMC và DATC đều cho biết, hiện nay đã có sự mua bán các khoản nợ nhưng chưa mang tính tập trung, chưa mang tính thị trường hoàn chỉnh và chưa theo chuẩn mực quốc tế. Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu và mua bán với nhau; các ngân hàng cũng mua bán trái phiếu của doanh nghiệp, đồng thời cũng mua bán nợ giữa các ngân hàng với nhau. Nhưng nhìn chung mức độ phát triển của thị trường mua bán nợ chỉ ở giai đoạn ban đầu, sơ khai, còn yếu, không có thị trường tập trung.

Với vai trò quản lý vĩ mô nền kinh tế nói chung và thị trường mua bán nợ nói riêng tại Việt Nam, để thiết lập thị trường mua bán nợ, Chính phủ cần ban hành và hướng dẫn chi tiết khung pháp lý quản lý thị trường mua bán nợ, tổ chức quản lý, giám sát hoạt động thị trường mua bán nợ, thông tin cho các bên tham gia thị trường, các tổ chức độc lập hỗ trợ (các tổ chức độc lập hỗ trợ gồm công ty thẩm định giá tài sản chuyên nghiệp, tổ chức xếp hạng tín nhiệm và hiệp hội các công ty mua bán nợ). Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Chính phủ phải có những quy định để quản lý hoạt động của thị trường mua bán nợ cũng như có cơ quan chuyên trách quản lý. Những quy định này phải được thể hiện rõ trong các văn bản pháp quy để kiểm soát thị trường mua bán nợ. Trong các điều kiện để vận hành thị trường mua bán nợ thì hạn chế lớn nhất ở Việt Nam là vấn đề khung pháp lý quản lý thị trường. Thêm vào đó, theo DATC thì một trong những nguyên nhân chính khiến thị trường tài chính của Việt Nam chưa phát triển đó là tính minh bạch của thị trường tài chính ở Việt Nam rất yếu. Do vậy, Chính phủ cần xây dựng được khung pháp lý có tính răn đe đủ mạnh buộc các doanh nghiệp và các tổ chức phải minh bạch trong cung cấp thông tin cũng như xây dựng khung pháp lý trong việc bảo vệ nhà đầu tư.

Thứ hai, Chính phủ cần có những tổ chức quản lý và giám sát thị trường một cách chặt chẽ và hiệu quả để đảm

bảo lợi ích cho các thành viên chính tham gia thị trường, cụ thể là bên bán nợ, bên mua nợ và khách hàng (con nợ), mà mấu chốt là hoạt động thu nợ phải được diễn ra một cách công bằng, minh bạch và hợp pháp. Đặc biệt là giúp các công ty thu nợ có đủ thông tin về khoản nợ trước khi tiến hành quá trình thu nợ để đảm bảo liên lạc đúng đối tượng khách hàng theo một cách thức trung thực và đầy đủ sự tôn trọng cần thiết.

Thứ ba, một điều kiện để thị trường mua bán nợ phát triển thuận lợi hơn chính là thông tin và chứng từ về khoản nợ được minh bạch và sẵn có. Ngoài ra thông tin chính xác về chủ nợ đầu tiên, về chuyển đổi chủ nợ, về con nợ cũng rất cần thiết để thị trường hoạt động có hiệu quả.

Thứ tư, để thị trường mua bán nợ hoạt động có hiệu quả thì cần thiết phải có mặt các công ty thẩm định giá chuyên nghiệp có chức năng định giá độc lập các khoản nợ sẽ được đưa ra mua bán trên thị trường. Sự tham gia của các công ty này trong quá trình mua bán nợ sẽ giúp cả bên mua và bên bán nợ có cơ sở để xem xét, quyết định việc mua bán và đảm bảo việc mua bán nợ được thực hiện khách quan. Các công ty thẩm định giá sẽ thực hiện việc phân loại, thẩm định, định giá các khoản nợ một cách khách quan, phản ánh đúng bản chất của tài sản kèm theo món nợ tại thời điểm mua bán. Hoạt động của các công ty này sẽ góp phần làm minh bạch và thúc đẩy thị trường mua bán nợ phát triển. Do đó hoạt động của các công ty này cũng cần có sự giám sát chặt chẽ của các đơn vị có liên quan để tạo niềm tin cho các bên mua bán nợ trên thị trường.

Thứ năm, để đảm bảo tính minh bạch cho thị trường mua bán nợ, cụ thể liên quan tới quy trình định giá các khoản nợ cần có sự tham gia của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, đặc biệt là các công ty xếp hạng tín nhiệm trong nước, vì kết quả đánh giá xếp hạng do các công ty nước ngoài cung cấp có thể không giúp ích gì nhiều do hạn chế của dữ liệu thông tin. Do đó, cần xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho sự hình thành và hoạt động của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

Những quy định này sẽ là cơ sở pháp lý cơ bản nhất để điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong lĩnh vực xếp hạng tín nhiệm, đồng thời định ra hướng đi đúng cho các hành vi xử sự của cá nhân, tổ chức liên quan trong khuôn khổ mà pháp luật quy định.

Thứ sáu, việc thành lập hiệp hội các công ty mua bán nợ có thể là nhân tố cần thiết để thị trường mua bán nợ Việt Nam có điều kiện phát triển. Hiệp hội sẽ là đại diện cho tiếng nói của các công ty mua bán nợ, bao gồm VAMC, DATC và các AMC của các tổ chức tín dụng cũng như các tổ chức, doanh nghiệp khác có chức năng mua bán nợ. Trong phạm vi hoạt động của mình, hiệp hội sẽ thực hiện việc đưa ra những thông lệ tốt nhất hướng dẫn hoạt động cho các thành viên của mình đảm bảo cho các thành viên luôn hiểu rõ và tuân thủ các quy định quản lý và giám sát do các cơ quan nhà nước đề ra.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết nằm trong khuôn khổ đề tài KX.01.27/16-20. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Bộ Khoa học và Công nghệ và Chương trình KX.01/16-20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Trần Hậu và Vũ Sỹ Cường (2015), *Chuyên đề 24: Thị trường mua bán nợ - thực trạng và triển vọng phát triển ở Việt Nam*, <http://www.daotaomof.vn/bvct/chi-tiet/369/chuyen-de-24-thi-truong-mua-ban-no-thuc-trang-va-trien-vong-phat-trien-o-viet-nam.html>, truy cập ngày 7/12/2017.
- [2] Nguyễn Thu Hương (2016), *Phát triển thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính.
- [3] García-Teruel and Martínez-Solano (2010), "Determinants of trade credit: A comparative study of European SMEs", *International Small Business Journal*, **28**(3), pp.215-233.
- [4] ADB (2016), *Báo cáo thường niên*.